

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ KẾ TOÁN 03 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	2
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	6
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	8

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

### **THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh**

Số 4103002690 ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 8 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Văn	Thành viên
Bà Lương Thị Anh Đào	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên
Ông Shinichiro Ota	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Ly	Thành viên
Bà Bùi Thu Hằng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Năm	Phó Tổng Giám đốc Kỹ Thuật
Ông Đào Ngọc Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

**Người đại diện theo pháp luật** Ông Trần Thanh Văn Tổng Giám đốc

**Trụ sở chính**

321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018 VND	31/12/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.130.506.287.171</b>	<b>1.055.593.862.897</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	55.516.244.799	36.864.427.848
Tiền	111		55.516.244.799	36.864.427.848
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		315.696.613.989	247.577.649.116
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4	315.696.613.989	247.577.649.116
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.760.680.837	95.822.330.739
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	120.183.339.328	61.723.371.084
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.302.231.777	12.894.378.514
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	28.102.552.953	23.012.024.362
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	7	(1.884.045.371)	(1.884.045.371)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		56.602.150	76.602.150
Hàng tồn kho	140	8	564.791.714.192	627.654.921.453
Hàng tồn kho	141		590.977.602.461	653.840.809.722
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(26.185.888.269)	(26.185.888.269)
Tài sản ngắn hạn khác	150		34.741.033.354	47.674.533.741
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.164.764.002	2.457.660.977
Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.576.269.352	45.216.872.764
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>733.604.253.050</b>	<b>725.058.300.927</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.840.029.847</b>	<b>4.597.381.747</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		485.748.673	1.408.684.773
Trả trước cho người bán dài hạn	212		1.346.159.201	1.180.575.001
Phải thu dài hạn khác	216		2.878.700.000	2.878.700.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	7	(870.578.027)	(870.578.027)
Tài sản cố định	220		401.722.289.165	417.466.257.571
Tài sản cố định hữu hình	221	9(a)	333.320.814.701	348.397.162.815
- Nguyên giá	222		906.967.027.608	902.365.743.867
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(573.646.212.907)	(553.968.581.052)
Tài sản cố định vô hình	227	9(b)	68.401.474.464	69.069.094.756
- Nguyên giá	228		98.371.415.118	98.371.415.118
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(29.969.940.654)	(29.302.320.362)
Tài sản dở dang dài hạn	240		12.548.852.263	14.861.518.602
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	12.548.852.263	14.861.518.602
Đầu tư tài chính dài hạn	250		266.233.541.666	237.769.652.777
Đầu tư góp vốn công ty liên doanh, liên kết	252	11	32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		233.733.541.666	205.269.652.777
Tài sản dài hạn khác	260		49.259.540.109	50.363.490.230
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	15.130.800.709	15.330.046.092
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	6.831.918.072	7.544.398.751
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	27.296.821.328	27.489.045.387
<b>(270 = 100 + 200) TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.864.110.540.221</b>	<b>1.780.652.163.824</b>

**CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018**

Mẫu số B 01- DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018 VND	31/12/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.164.416.109.130</b>	<b>1.110.393.556.499</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.163.048.545.751</b>	<b>1.108.659.504.946</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	145.897.774.027	97.047.143.565
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.930.846.983	59.604.054.222
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	15	4.877.967.034	8.359.766.598
Phải trả người lao động	314		32.198.509.168	107.489.922.479
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	67.260.562.432	5.979.553.194
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	5.843.190.015	4.901.176.783
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	888.764.348.777	810.949.350.998
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	7.910.352.651	7.910.352.651
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	3.364.994.664	6.418.184.456
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.367.563.379</b>	<b>1.734.051.553</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		468.122.400	837.404.744
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		79.440.979	76.646.809
Phải trả dài hạn khác	337		820.000.000	820.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>699.694.431.091</b>	<b>670.258.607.325</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	21,22	<b>699.694.431.091</b>	<b>670.258.607.325</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.134.194.059	12.134.194.059
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		221.258.467.808	191.822.644.042
- LNST chưa phân phối lũy kê đến cuối kỳ trước	421a		191.822.644.042	125.722.546.834
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.435.823.766	66.100.097.208
<b>(440=300+400)TỔNGNGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.864.110.540.221</b>	<b>1.780.652.163.824</b>



Đỗ Văn Hưởng  
Người lập



Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn  
Tổng Giám Đốc  
Ngày 18 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
CHO GIAI ĐOẠN 03 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	QUÝ 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			01/01/2018 đến 31/03/2018	01/01/2017 đến 31/03/2017	01/01/2018 đến 31/03/2018	01/01/2017 đến 31/03/2017
			VND	VND	VND	VND
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	817.749.510.687	779.748.217.013	817.749.510.687	779.748.217.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		88.598.797.542	87.991.301.607	88.598.797.542	87.991.301.607
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		729.150.713.145	691.756.915.406	729.150.713.145	691.756.915.406
4. Giá vốn hàng bán	11	27	646.885.071.679	617.037.228.878	646.885.071.679	617.037.228.878
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		82.265.641.466	74.719.686.528	82.265.641.466	74.719.686.528
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	10.560.932.860	10.819.798.936	10.560.932.860	10.819.798.936
7. Chi phí tài chính	22	29	9.162.239.512	6.321.630.343	9.162.239.512	6.321.630.343
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.310.189.202	4.126.076.797	7.310.189.202	4.126.076.797
8. Chi phí bán hàng	25		36.519.883.548	34.449.809.814	36.519.883.548	34.449.809.814
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.244.298.846	7.927.204.698	10.244.298.846	7.927.204.698
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		36.900.152.420	36.840.840.609	36.900.152.420	36.840.840.609
11. Thu nhập khác	31		268.155.395	885.255.820	268.155.395	885.255.820
12. Chi phí khác	32		552.153.659	873.737.810	552.153.659	873.737.810
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(283.998.264)	11.518.010	(283.998.264)	11.518.010
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		36.616.154.156	36.852.358.619	36.616.154.156	36.852.358.619
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	6.467.849.711	16.035.415.534	6.467.849.711	16.035.415.534
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		712.480.679	-	712.480.679	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		29.435.823.766	20.816.943.085	29.435.823.766	20.816.943.085
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	633	412	633	412
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					



Đỗ Văn Hương  
Người lập



Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
CHO GIAI ĐOẠN 03 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018

	Mã số	Thuyết minh	01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	01/01/2017 đến 31/03/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		36.616.154.156	36.852.358.619
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		20.359.706.692	17.563.364.790
Các khoản dự phòng	03		-	27.394.333.330
Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.138.171.750	1.360.981.898
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.326.066.179)	(9.440.698.363)
Chi phí lãi vay	06		7.310.189.202	4.126.076.797
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>55.098.155.621</b>	<b>77.856.417.071</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46.814.569.785)	(21.279.228.561)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		63.055.431.320	8.499.662.721
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(17.822.546.874)	(10.280.163.014)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		492.142.358	966.833.676
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.016.135.903)	(3.744.760.603)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.799.395.826)	(26.073.526.131)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.053.189.792)	(3.920.631.524)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>33.139.891.119</b>	<b>22.024.603.635</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.303.071.947)	(9.242.918.987)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(168.712.020.429)	(12.129.166.667)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		72.129.166.667	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.582.853.762	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(92.303.071.947)</b>	<b>(21.372.085.654)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		692.545.186.491	458.474.381.137
Tiền trả nợ gốc vay	34		(614.730.188.712)	(465.937.957.581)

**CÔNG TY CP PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

Mẫu số B 03 - DN


(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
CHO GIAI ĐOẠN 03 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018**

	Mã số	Thuyết minh	01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	01/01/2017 đến 31/03/2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.972.575.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		77.814.997.779	(18.436.151.994)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		18.651.816.951	(17.783.634.013)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.864.427.848	107.606.270.185
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		55.516.244.799	89.822.636.172



Đỗ Văn Hương  
Người lập



Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn  
Tổng Giám Đốc  
Ngày 18 tháng 04 năm 2018



## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỶ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018**

#### **1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 09 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 08 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Công ty có 1.162 nhân viên (31/12/2017: 1.144 nhân viên).

#### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

##### **2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

##### **2.2 Các cơ sở quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng**

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 do Bộ Tài chính ban hành - Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành - Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018.

#### **2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

#### **2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

#### **2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 2.8 Đầu tư

##### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

##### (b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

#### 2.9 Tài sản cố định

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao và hao mòn*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 - 5 năm
Khác	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất.

Tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)**

##### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### *Xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

#### **2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

#### **2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.14 Các khoản dự phòng (tiếp theo)**

sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

#### **2.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

#### **2.16 Phân chia lợi nhuận thuần**

##### **(a) Cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

##### **(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

##### **(c) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

#### **2.17 Ghi nhận doanh thu**

##### **(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

#### **(b) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của khoản đầu tư góp vốn. Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi được hưởng.

#### **2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

#### **2.19 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

#### **2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

#### **2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bán hàng và các khoản bảo hiểm kèm theo, quảng cáo, khuyến mãi không điều kiện, chi phí bảo hành sản phẩm, và chi phí vận chuyển, v.v...

#### **2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.23 Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

#### **2.24 Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

#### **2.25 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### **2.26 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.26 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)**

với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM****3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31.03.2018</b>	<b>31.12.2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	744.822.705	1.022.893.655
Tiền gửi ngân hàng	54.771.422.094	35.841.534.193
Các khoản tương đương tiền	-	-
	<u>55.516.244.799</u>	<u>36.864.427.848</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng.

**4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 6,80% đến 9,75% (2017: 6,80% đến 9,75%).

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31.03.2018</b>	<b>31.12.2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Chea Se	20.782.664.039	10.686.322.663
Công ty TNHH Honda Việt Nam	1.969.110.660	2.122.787.700
Công ty Faith Chemical Enterprises	10.478.147.903	9.306.494.466
Công ty TNHH MTV SX & LR Ô tô tải Chu Lai	2.979.987.382	8.868.059.322
Công ty TNHH MTV SX & LR Ô tô khách	3.122.099.530	4.434.155.990
Trường Hải		
Các khách hàng khác	80.851.329.814	26.305.550.943
	<u>120.183.339.328</u>	<u>61.723.371.084</u>

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31.03.2018</b>		<b>31.12.2017</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi phải thu	22.858.105.660	-	19.114.893.243	-
Tạm ứng cho nhân viên	5.223.973.543	-	3.863.745.527	-
Phải thu khác	20.473.750	-	33.385.592	-
	<u>28.102.552.953</u>	<u>-</u>	<u>23.012.024.362</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM****7 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	<b>31.03.2018</b>			
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Thời gian quá hạn Ngày</b>
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	114.952.000	-	114.952.000	Trên 3 năm
CTY TNHH SX TM DV Hải Phương	114.677.800	-	114.677.800	Trên 3 năm
Công ty TNHH Faith Chemicals	3.253.796.921	2.277.657.845	976.139.076	6 tháng đến 1 năm
Khác	4.156.838.176	2.653.945.680	1.548.854.522	6 tháng đến trên 3 năm
	<u>7.640.264.897</u>	<u>4.931.603.525</u>	<u>2.754.623.398</u>	

	<b>31.12.2017</b>			
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Thời gian quá hạn Ngày</b>
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	114.952.000	-	114.952.000	Trên 3 năm
CTY TNHH SX TM DV Hải Phương	114.677.800	-	114.677.800	Trên 3 năm
Công ty TNHH Faith Chemicals	3.253.796.921	2.277.657.845	976.139.076	6 tháng đến 1 năm
Khác	4.156.838.176	2.653.945.680	1.548.854.522	6 tháng đến trên 3 năm
	<u>7.640.264.897</u>	<u>4.931.603.525</u>	<u>2.754.623.398</u>	

Ban Giám đốc Công ty tin rằng dự phòng phải thu khó đòi là phù hợp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 8 HÀNG TỒN KHO

	31.03.2018		31.12.2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	251.809.610.050		258.925.210.107	
Thành phẩm	103.126.671.106	(3.316.141.305)	165.162.124.324	(3.316.141.305)
Chi phí SXKD dở dang	151.842.226.654	-	151.977.451.187	-
Hàng đang đi trên đường	76.582.751.462		69.675.736.708	
Công cụ, dụng cụ	7.326.360.707		7.774.499.085	
Hàng hóa	289.982.482		325.788.311	
	<u>590.977.602.461</u>	<u>(3.316.141.305)</u>	<u>653.840.809.722</u>	<u>(3.316.141.305)</u>
Công cụ và dụng cụ dài hạn	<u>27.296.821.328</u>	<u>(22.869.746.964)</u>	<u>27.489.045.387</u>	<u>(22.869.746.964)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	31.03.2018 VND	31.12.2017 VND
Số dư đầu năm	26.185.888.269	30.452.541.582
Tăng dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(4.266.653.313)
Số dư cuối năm	<u>26.185.888.269</u>	<u>26.185.888.269</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm giá trị giảm giá của thành phẩm, bán thành phẩm và chậm luân chuyển của công cụ dụng cụ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b><i>Nguyên giá</i></b>						
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b><u>163.261.373.988</u></b>	<b><u>694.263.895.715</u></b>	<b><u>31.284.545.719</u></b>	<b><u>11.435.136.145</u></b>	<b><u>2.120.792.300</u></b>	<b><u>902.365.743.867</u></b>
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
XDCB mới hoàn thành	-	4.615.738.286	-	-	-	4.615.738.286
Chuyển qua Chi phí trả trước	-	-	-	(14.454.545)	-	(14.454.545)
<b>Tại 31/03/2018</b>	<b><u>163.261.373.988</u></b>	<b><u>698.879.634.001</u></b>	<b><u>31.284.545.719</u></b>	<b><u>11.420.681.600</u></b>	<b><u>2.120.792.300</u></b>	<b><u>906.967.027.608</u></b>
<b><i>Giá trị hao mòn lũy kế</i></b>						
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b><u>78.838.029.522</u></b>	<b><u>446.894.254.338</u></b>	<b><u>18.004.616.553</u></b>	<b><u>8.741.688.221</u></b>	<b><u>1.489.992.418</u></b>	<b><u>553.968.581.052</u></b>
Khấu hao trong kỳ	2.878.444.210	15.914.348.459	709.196.140	122.989.831	67.107.760	19.692.086.400
Giảm do chuyển qua Chi phí trả trước	-	-	-	(14.454.545)	-	(14.454.545)
<b>Tại 31/03/2018</b>	<b><u>81.716.473.732</u></b>	<b><u>462.808.602.797</u></b>	<b><u>18.713.812.693</u></b>	<b><u>8.850.223.507</u></b>	<b><u>1.557.100.178</u></b>	<b><u>573.646.212.907</u></b>
<b><i>Giá trị còn lại</i></b>						
<b>Vào ngày 31/12/2017</b>	<b>84.423.344.466</b>	<b>247.369.641.377</b>	<b>13.279.929.166</b>	<b>2.693.447.924</b>	<b>630.799.882</b>	<b>348.397.162.815</b>
<b>Vào ngày 31/03/2018</b>	<b><u>81.544.900.256</u></b>	<b><u>236.071.031.204</u></b>	<b><u>12.570.733.026</u></b>	<b><u>2.570.458.093</u></b>	<b><u>563.692.122</u></b>	<b><u>333.320.814.701</u></b>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 214.078 triệu đồng (31/12/2017: 212.097 triệu đồng).

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

#### (b) Tài sản cố định vô hình

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Khác</i>	<i>Cộng</i>
<b><i>Nguyên giá</i></b>				
Tại 31/12/2017	88.097.388.458	5.055.248.004	5.218.778.656	98.371.415.118
XDCB mới hoàn thành	-	-	-	-
Tại 31/03/2018	<u>88.097.388.458</u>	<u>5.055.248.004</u>	<u>5.218.778.656</u>	<u>98.371.415.118</u>
<b><i>Giá trị hao mòn lũy kế</i></b>				
Tại 31/12/2017	19.904.601.146	5.055.248.004	4.342.471.212	29.302.320.362
Khấu hao trong kỳ	474.834.670	-	192.785.622	667.620.292
Tại 31/03/2018	<u>20.379.435.816</u>	<u>5.055.248.004</u>	<u>4.535.256.834</u>	<u>29.969.940.654</u>
<b><i>Giá trị còn lại</i></b>				
Vào ngày 31/12/2017	68.192.787.312	-	876.307.444	69.069.094.756
Vào ngày 31/03/2018	<u>67.717.952.642</u>	<u>-</u>	<u>683.521.822</u>	<u>68.401.474.464</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 6.526 triệu đồng (31/12/2017: 5.055 triệu VNĐ)

### 10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	<b>31.03.2018</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	14.861.518.602	44.698.941.601
Mua trong năm	2.303.071.947	149.551.189.125
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(4.615.738.286)	(138.584.925.722)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(40.803.686.402)
Số dư cuối năm	<u>12.548.852.263</u>	<u>14.861.518.602</u>

Các công trình xây dựng dở dang cơ bản lớn như sau:

	<b>31.03.2018</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Máy móc thiết bị	7.826.522.246	10.550.387.823
Khác	4.722.330.017	4.311.130.779
	<u>12.548.852.263</u>	<u>14.861.518.602</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 11 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết đầu tư góp vốn vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 như sau:

Đơn vị	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313711629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 3 năm 2016 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 9 tháng 12 năm 2016	26%

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Ban Giám đốc Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên do công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

### 12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31.03.2018 VND	31.12.2017 VND
Công cụ, dụng cụ	6.355.337.637	6.411.485.392
Khác	8.775.463.072	8.918.560.700
	<u>15.130.800.709</u>	<u>15.330.046.092</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	31.03.2018 VND	31.12.2017 VND
Số dư đầu kỳ	15.330.046.092	4.624.068.872
Tăng trong kỳ	1.853.879.082	15.456.010.817
Phân bổ trong kỳ	(2.053.124.465)	(4.750.033.597)
Số dư cuối kỳ	<u>15.130.800.709</u>	<u>15.330.046.092</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 13 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	<b>31.03.2018</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	7.544.398.751	7.564.773.499
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(712.480.679)	(20.374.748)
Số dư cuối kỳ	<u>6.831.918.072</u>	<u>7.544.398.751</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	<b>31.03.2018</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Chi phí phải trả	3.477.483	715.958.162
Dự phòng bảo hành	1.582.070.530	1.582.070.530
Dự phòng phải thu khó đòi	9.192.405	9.192.405
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, công cụ dụng cụ	5.237.177.654	5.237.177.654
	<u>6.831.918.072</u>	<u>7.544.398.751</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm 2018 và 2017 là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2018		31.12.2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam</i>	27.595.018.660	27.595.018.660	10.537.261.847	10.537.261.847
<i>Thai United Plastic Industry Ltd.</i>	6.768.953.882	6.768.953.882	4.162.156.291	4.162.156.291
<i>Thai United Industry Company Ltd.</i>	13.477.792.044	13.477.792.044	9.518.231.787	9.518.231.787
<i>CN tại TPHCM - Công Ty CP Nhựa Tân Phú</i>	7.774.501.250	7.774.501.250	6.355.346.022	6.355.346.022
<i>TRAFIGURA PTE LTD</i>	44.277.427.936	44.277.427.936	-	-
<i>SORFIN</i>				
<i>YOSHIMURA TOKYO, LTD.</i>	6.186.380.218	6.186.380.218	3.547.866.500	3.547.866.500
<i>Khác</i>	37.244.205.377	37.244.205.377	60.630.123.888	60.630.123.888
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 33(b))</i>	2.573.494.660	2.573.494.660	2.296.157.230	2.296.157.230
	<u>145.897.774.027</u>	<u>145.897.774.027</u>	<u>97.047.143.565</u>	<u>97.047.143.565</u>

### 15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01.01.2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 31.03.2018 VND
Thuế TNDN	9.492.540.356	7.808.812.311	10.799.395.826	6.501.956.841
Thuế thu nhập cá nhân	435.279.587	635.080.387	1.379.913.061	(309.553.087)
Thuế GTGT	-	31.018.079.434	31.018.079.434	-
Tiền thuế đất và thuế khác	(1.568.053.345)	725.041.061	471.424.436	(1.314.436.720)
	<u>8.359.766.598</u>	<u>40.187.013.193</u>	<u>43.668.812.757</u>	<u>4.877.967.034</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM****16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>31.03.2018</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Chi phí bán hàng phải trả cho nhà phân phối	60.991.058.021	2.470.540.763
Chi phí vận chuyển	3.490.000.000	2.298.811.403
Chi phí lãi vay	797.489.057	503.435.758
Chi phí phải trả khác	1.982.015.354	706.765.270
	<hr/> <b>67.260.562.432</b> <hr/>	<hr/> <b>5.979.553.194</b> <hr/>

**17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31.03.2018</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.211.956.830	1.775.923.177
Phải trả khác	3.631.233.185	3.125.253.606
	<hr/> <b>5.843.190.015</b> <hr/>	<hr/> <b>4.901.176.783</b> <hr/>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**18 VAY NGẮN HẠN**

	Tại ngày 31.12.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.03.2018 VND
Vay ngân hàng (*)	778.449.350.998	692.545.186.491	(614.730.188.712)	856.264.348.777
Vay khác (**)	32.500.000.000			32.500.000.000
	<u>810.949.350.998</u>	<u>692.545.186.491</u>	<u>(614.730.188.712)</u>	<u>888.764.348.777</u>

(\*) Đây là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng. Chi tiết cụ thể như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31.03.2018 VND	31.12.2017 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	4,2% - 4,5%	93.654.860.624	25.495.052.209
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,3%	8.198.861.200	51.253.775.574
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	VND	4,8%	38.794.815.569	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	4,8% - 7,0 %	155.656.161.879	230.108.125.202
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	2,0% - 3,0 %	299.831.220.321	332.816.006.486
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	2,0% - 2,55 %	57.878.457.280	59.273.487.045
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	4,8% - 5,5%	-	22.417.115.593
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN 1 - TP HCM	VND	5,2 - 5,5%	83.789.971.904	34.350.788.889
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	USD	3,5%	68.460.000.000	22.735.000.000
Người lao động Công ty CP Pin Ắc Quy Miền Nam	VND	7,0%	50.000.000.000	-
			<u>856.264.348.777</u>	<u>778.449.350.998</u>

(\*\*) Đây là khoản vay ngắn hạn tín chấp không lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn đầu tư vào công ty TNHH đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Phát. Thời hạn hoàn trả vay là ngày 02 tháng 05 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM****19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>31.03.2018</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Dự phòng chi phí bảo hành	7.910.352.651	7.910.352.651
	<u>7.910.352.651</u>	<u>7.910.352.651</u>

Biến động của khoản dự phòng bảo hành như sau:

	<b>31.03.2018</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	7.910.352.651	7.837.855.717
Dự phòng lập trong kỳ	-	18.922.643.505
Hoàn nhập và sử dụng dự phòng	-	(18.850.146.571)
Số dư cuối kỳ	<u>7.910.352.651</u>	<u>7.910.352.651</u>

**20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>31.03.2018</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.418.184.456	18.580.626.583
Hoàn nhập trong năm		(5.310.724.631)
Sử dụng quỹ	(3.053.189.792)	(6.851.717.496)
Số dư cuối kỳ	<u>3.364.994.664</u>	<u>6.418.184.456</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	464.717.070.000	1.584.699.224	-	18.772.599.847	183.480.976.917	<b>668.555.345.988</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	135.807.657.708	<b>135.807.657.708</b>
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(6.638.405.788)	6.638.405.788	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	5.310.724.631	<b>5.310.724.631</b>
Cổ tức bằng tiền mặt (*)	-	-	-	-	(139.415.121.002)	<b>(139.415.121.002)</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	464.717.070.000	1.584.699.224	-	12.134.194.059	191.822.644.042	<b>670.258.607.325</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	29.435.823.766	<b>29.435.823.766</b>
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	464.717.070.000	1.584.699.224	-	12.134.194.059	221.258.467.808	<b>699.694.431.091</b>

(\*) Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2016 là 5%; đợt 3 năm 2016 là 10%; đợt 1 năm 2017 là 8%; đợt 2 năm 2017 là 7%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM****22 VỐN CỔ PHẦN****(a) Số lượng cổ phiếu**

	31.03.2018		31.12.2017	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	46.471.707	-	46.471.707	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.471.707	-	46.471.707	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.471.707	-	46.471.707	-

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31.03.2018		31.12.2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn của nhà nước	23.898.273	51,43	23.898.273	51,43
Phần vốn của các đối tượng khác	22.573.434	48,57	22.573.434	48,57
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.471.707	100,00	46.471.707	100,00

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**(c) Tình hình biến động vốn cổ phần**

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	46.471.707	464.717.070.000	<b>464.717.070.000</b>
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	46.471.707	464.717.070.000	<b>464.717.070.000</b>
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	46.471.707	464.717.070.000	<b>464.717.070.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM****23 CỔ TỨC**

	<b>31.03.2018</b>	<b>31.12.2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	-	-
Cổ tức phải trả trong kỳ	-	139.415.121.000
Cổ tức chi trả bằng tiền	-	(139.415.121.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	<b>Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31.03.2018</b>	<b>31.03.2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	29.435.823.766	20.816.943.085
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(1.665.355.447)
	<hr/>	<hr/>
	<b>29.435.823.766</b>	<b>19.151.587.638</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	46.471.707	46.471.707
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<b>633</b>	<b>412</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày lập báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM****25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****(a) Tài sản thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 445.327.273 đồng và 1.260.972.727 đồng tương ứng với kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 34(a)).

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31.03.2018		31.12.2017	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
USD	67.518,23	1.544.758.812	75.221,81	1.704.902.324
EUR	311,26	8.401.582	313,99	8.478.672
		<u>1.553.160.394</u>		<u>1.713.380.996</u>

**26 DOANH THU BÁN HÀNG**

	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2018 VND	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu pin và ắc quy	817.749.510.687	779.748.217.013
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	88.598.797.542	87.991.301.607
Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>		
Doanh thu thuần pin và ắc quy	<u>729.150.713.145</u>	<u>691.756.915.406</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM****27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2018 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	646.885.071.679	617.037.228.878
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<u>646.885.071.679</u>	<u>617.037.228.878</u>

**28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2018 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.372.023.718	9.440.698.363
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	188.909.142	1.379.100.573
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
	<u>10.560.932.860</u>	<u>10.819.798.936</u>

**29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2018 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND</b>
Chi phí lãi vay	7.310.189.202	4.126.076.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	713.878.560	960.353.546
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.138.171.750	-
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	1.235.200.000
	<u>9.162.239.512</u>	<u>6.321.630.343</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

**30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2018 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	495.390.574.654	445.292.067.231
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	60.823.058.566	70.946.924.514
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.359.706.692	17.563.364.790
Các chi phí khác bằng tiền	59.284.741.204	52.682.202.178
	<b>635.858.081.116</b>	<b>586.484.558.713</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Xuất Khẩu		Tổng	
	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2018 VND	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2018 VND	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2018 VND	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND
Doanh thu thuần	583.731.403.407	566.891.289.131	145.419.309.738	124.865.626.275	729.150.713.145	691.756.915.406

#### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 32 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau.

	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2018 VND	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.616.154.156	36.852.358.619
Thuế TNDN tính ở thuế suất 20%	7.323.230.831	7.370.471.724
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	134.606.972	9.593.661
Quyết toán thuế TNDN năm trước	(277.507.413)	8.655.350.149
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.180.330.390	16.035.415.534
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành (*)	6.467.849.711	16.035.415.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 13)	712.480.679	-
	7.180.330.390	16.035.415.534

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

### 33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### (a) Giao dịch với các bên liên quan

##### i) Mua hàng hóa

	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2018 VND	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	4.689.124.880	3.732.172.700
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	90.216.500	23.518.000
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	568.662.500	447.022.046
	5.348.003.880	4.202.712.746

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### ii) Hoạt động tài chính:

Cổ tức trả cho Tập đoàn hóa chất Việt Nam:

	31.03.2018 VND	31.12.2017 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Phát sinh trong kỳ	-	71.694.819.000
Đã trả trong kỳ	-	71.694.819.000
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

### (b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	31.03.2018 VND	31.12.2017 VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.538.663.160	2.272.596.330
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	34.831.500	23.560.900
	<hr/>	<hr/>
	2.573.494.660	2.296.157.230
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

## 34 CÁC CAM KẾT

### (a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31.03.2018 VND	31.12.2017 VND
Trong vòng một năm	445.327.273	1.260.972.727
Trong vòng hai đến năm năm	-	-
	<hr/>	<hr/>
	445.327.273	1.260.972.727
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

### (b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	31.03.2018 VND	31.12.2017 VND
Máy móc và thiết bị	10.318.901.129	27.673.496.999
Nhà cửa và vật kiến trúc	3.615.681.207	2.136.697.651
Hệ thống điện	463.368.090	957.947.904
	<u>14.397.950.426</u>	<u>30.768.142.554</u>

### 35 GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Lợi nhuận trước thuế quý 1 năm 2018 đạt 36.616.154.156 đồng bằng 99,36% lợi nhuận trước thuế quý 1 năm 2017. Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2018 đạt 29.435.823.766 đồng bằng 141,4% lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2017. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế đến từ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có sự khác biệt đáng kể giữa hai kỳ so sánh. Nếu loại trừ ảnh hưởng của chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp do quyết toán thuế năm 2016 ghi vào năm 2017 là 8.655.350.149 đồng và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp do quyết toán thuế năm 2017 ghi vào năm 2018 là (277.507.413) đồng (thuyết minh số 32) thì lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2018 bằng 98,93% lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2017.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 18 tháng 04 năm 2018.



Đỗ Văn Hưởng  
Người lập



Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn  
Tổng Giám đốc